

LÝ LUẬN VỀ TUYỂN DỤNG HIỆN TÀI CHÍNH TRỊ TRONG KHOA CỬ VIỆT NAM THẾ KỶ XVIII

Lê Thị Lan^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: lanphilosophy@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 8 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2020.

Tóm tắt: Khoa cử có mục tiêu thực tiễn là tìm kiếm nhân tài tham gia vào bộ máy chính trị, giúp vua trị nước. Nhân tài được hiểu là người thông kim bác cổ, nắm chắc tri thức chính trị Nho học cổ kim để vận dụng vào giải quyết thấu đáo các vấn đề chính trị thực tiễn, phục vụ yêu cầu trị nước. Khoa cử Việt Nam thế kỷ XVIII được triều Lê trung hưng cổ súy lấy học vấn Nho gia về chính trị làm nội dung duy nhất khảo hạch sĩ tử qua các bài thi, trong đó quan trọng nhất là bài Văn sách¹. Trong bài viết này, qua phân tích ba bài văn sách của Ngô Thi Nhậm, Phan Huy Ích và Lê Quý Đôn ở các khoa thi Hương, thi Hội, thi Đình, tác giả giới thiệu tư tưởng về tuyển dụng nhân tài chính trị thể hiện trong khoa cử ở Việt Nam thế kỷ XVIII.

Từ khóa: Hiện tài, chính trị, Nho giáo, khoa cử.

1. Quan niệm về chính trị của Nho học

Quan niệm về chính trị thời kỳ hiện đại cho rằng, chính trị là toàn bộ những hoạt động liên quan đến các mối quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội mà cốt lõi của nó là vấn đề giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước, sự tham gia vào công việc của nhà nước; sự xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của nhà nước. Khác với quan niệm trên, Nho giáo coi chính trị là hoạt động trị nước của nhà vua theo khuôn phép lớn là đạo hằng của Trời Đất (đạo thường, con đường chính, bất biến) bao gồm chín loại: Ngũ hành,

Ngũ sự, Bát chính, Ngũ kỷ, Hoàng cực, Tam đức, Xét ngờ, Các điềm, Ngũ phúc và Lục cực². Hoạt động chính trị đó là sự quản lý, điều hành toàn bộ các công việc nội trị và ngoại nhương (võ bị, chống giặc ngoại xâm), bao gồm mọi lĩnh vực, như kinh tế, giáo hóa, quân sự, tôn giáo, phong

¹ Mỗi khoa thi Hương, thi Hội gồm có bốn kỳ, còn gọi là tứ trường: 1- Kinh nghĩa; 2- Chiếu, chế, biểu; 3- Thi, phú; 4- Văn sách. Riêng thi Đình (điện thí) chỉ có bài văn sách, do nhà vua trực tiếp ra đề và chấm thi.

² Thượng thư, còn gọi là Kinh Thư được coi là bộ kinh cổ nhất, nền tảng nhất dạy về chính trị của Nho giáo. Kinh Thư cũng phản ánh lịch sử hình thành của chính trị Trung Hoa khi ra khỏi thời đại nguyên thủy, bước vào thời đại phong kiến. (Tham khảo: Khổng Tử (2001), *Thượng thư*, thiên Hồng phạm, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.114-119.

tục tập quán..., nhằm chăm nuôi, dạy dỗ dân chúng và bảo vệ lãnh thổ quốc gia.

Quan niệm về chính trị này đã phản ánh khái quát toàn bộ các hoạt động Người hóa, Văn hóa của người Trung Quốc cổ, bao gồm: Việc làm lịch, làm tượng (máy đo tính về thiên văn), kính thuận theo trời (tự nhiên), thống nhất đồ đo lường; việc tìm người hiền tài hiếu thuận, việc định ra luật hình; định chín chức quan quản việc trị thủy, làm nông, giáo dục, công nghiệp, lễ, nhạc, tôn giáo, hình pháp, tấu đối. Trọng tâm của chính trị là nuôi dân, dạy dân. Nhà vua là người giữ chính, phải có chín đức: Khoan mà nghiêm, nhu mà vững, cần mà trọng, trị mà kính, hiền mà nghị, thẳng mà hòa, giản mà liêm, cứng mà thực, mạnh mà nghĩa để thuận với đạo trung, luôn kính Trời và trọng dân “Trời nghe, trông, tự dân ta nghe, trông! Trời tỏ uy, tự dân ta tỏ uy! Hiều suốt lấy trên (trời) dưới (dân)! Kính cần cho! Hỡi các kẻ có đất nước!”³. Do vậy, để giữ được “chính”, người làm vua phải “gắng theo mệnh trời, xét cơ, theo thời”, trọng dân vì “dân chính là gốc nước, gốc bền thì nước mới yên”, trọng hiền vì “vua không có người hiền không trị được nước”⁴.

Quan niệm về chính trị được xây dựng trong sách *Thượng Thư* với một số nội dung căn bản nêu trên tồn tại và phát triển xuyên suốt lịch sử Nho học, trong đó, vấn đề lựa chọn và sử dụng nhân tài luôn là vấn đề hàng đầu trong lý luận

chính trị Nho học. Khoa cử không chỉ là phương thức để tuyển chọn nhân tài, mà còn là nơi xem xét lại, nhận thức lại, kiểm nghiệm, khẳng định lại nhận thức về chính trị của mỗi triều đại phong kiến trong các giai đoạn lịch sử. Khi Nho giáo được truyền bá ở Việt Nam, tùy từng triều đại và thời kỳ lịch sử mà quan niệm về chính trị này được tiếp nhận và vận dụng theo một khía cạnh thích hợp, tạo nên một sắc thái mới trong quan niệm về chính trị và một phong khí mới trong chính trị thực tiễn của Việt Nam. Khoa cử Việt Nam thế kỷ XVIII đã thể hiện rõ vai trò kiểm nghiệm và khẳng định tri thức chính trị chính thống của triều đại phong kiến qua lý luận về tuyển dụng nhân tài chính trị được nêu ra trong các khoa thi chính thức của triều đình.

2. Lý luận về hiền tài trong khoa cử Việt Nam thế kỷ XVIII

Trọng hiền là một trong bát chính (tám phép tắc lớn) của chính trị Nho học⁵. Đây là vấn đề chủ đạo và quan trọng nhất trong khoa cử. Các bài văn sách trong các khoa thi Hương, thi Hội, thi Đình tiêu biểu trong thế kỷ XVIII đều quan tâm hỏi về

³ Khổng Tử (2001), *Thượng Thư*, Sđd., tr.37-38.

⁴ Khổng Tử (2001), *Thượng Thư*, Sđd., tr.94.

⁵ Bát chính (thực, hóa, tự, tư không, tư đồ, tư khấu, tân, sự) là tám vấn đề lớn của chính trị: Lương thực, của cải, cúng tế, trông nom ruộng đất, giáo dục, hình ngục, giao tế, quân sự. (Bài đối sách kỳ thi Hội khoa Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng, năm thứ 36 (1775) của Phan Huy Ích, tài liệu Viện Triết học, ký hiệu kho H 85, tr. 24. Tham khảo: Khổng Tử (2001), *Thượng Thư*, Sđd., tr.114-115).

chủ đề người hiền tài. Đề bài đối sách trong kỳ thi Hương trường Sơn Nam khoa Mậu Tý (1768) của Ngô Thi Nhậm đặt vấn đề rằng, phép trị nước lấy việc tôn trọng người hiền làm gốc, trong đạo khuyến hiền lấy việc xa lánh kẻ nịnh làm đầu, vậy vì sao các triều đại sau đời Ngu (Ngu Thuấn) dù rục rở đến mấy mà cũng không thể sánh kịp về việc dùng người trong phép trị nước? Phải chăng do tài trị nước của nhà vua không bằng thời thượng cổ, hay do đức của người hiền không sánh được với bậc thánh? Thuyết trọng hiền lại đối nghịch với thuyết “thiên vị người thân” nên xã hội trị hay loạn, chính sự được hay hỏng là phụ thuộc vào sự sáng suốt của nhà vua trong nghe ngóng lời tâu bày của bề tôi, tránh lời đồn, lời gièm hay còn có quan hệ khác chăng? Điều đó có quan hệ mật thiết đến tình nghĩa giao du giữa vua với bề tôi chăng?

Đề bài đối sách trong kỳ thi Hội khoa Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng, năm thứ 36 (1775) của Phan Huy Ích nêu vấn đề tại sao việc tuân thủ điển chương bên trong dùng người thân, bên ngoài chọn người cũ vào việc chính sự mà vẫn có tệ tin dùng bọn nịnh thần như Nang Ngõa, Vô Cực? Nhân tài có thực là khó kiếm chăng? Thuyết của Trình tử Chân thị⁶ về tác thành nhân tài liệu có khảo cứu cho rõ được không? Cách nào để tuyển dụng được nhiều nhân tài? Có nên chọn người hiền tài theo nghĩa “lập hiền vô phương”⁷ không? Việc cất nhắc quan lại phải xét

công và tội, có nên dùng lễ “quảng nghiệp sùng công”⁸ để khích lệ không? Phép dùng người tài căn bản là ở điểm gì?

Đề bài đối sách trong kỳ thi Đình khoa Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Hưng triều Lê Hiến Tông (1752) của Lê Quý Đôn hỏi: Việc tuyển dụng người tài là khác nhau ở mỗi triều đại, dựa vào việc coi trọng khác nhau các tiêu chí đức, công, đồng tính (cùng họ), pháp lại tài mưu (tài cai trị), kinh thuật (tri thức bác cổ), văn chương (học giỏi, văn hay), danh lý (lý luận, biện bác), thị tộc (dòng dõi), vậy dựa vào đâu để biết việc bình trị có đời hơn đời kém?⁹

Những vấn đề đặt ra xung quanh chủ đề người hiền tài trong các đề thi nêu trên cho thấy vai trò quan trọng của hiền tài là không phải bàn cãi. Trọng hiền là một nguyên tắc bất di bất dịch trong lý luận chính trị Nho học. Tuy nhiên, so sánh thực tiễn chính trị thịnh, suy, trị, loạn của các

⁶ Trình tử là Trình Hạo, Trình Di. Chân thị là Chân Đức Tú, người Nam Tống, theo thuyết của Chu Hy, có công bảo vệ thuyết này khỏi sự bài xích, coi là ngụy học của Hàn Thác Trụ. (Bài đối sách kỳ thi Hội khoa Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng, năm thứ 36 (1775) của Phan Huy Ích, tài liệu Viện Triết học, ký hiệu kho H 85, tr. 27.)

⁷ Lời Mạnh Tử khen Thành Thang gây dựng nhân tài không câu nệ vào tộc, loại nào. (Bài đối sách kỳ thi Hội khoa Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng, năm thứ 36 (1775) của Phan Huy Ích, tài liệu Viện Triết học, ký hiệu kho H 85, tr. 36.)

⁸ Lời của Chu Thành vương nói muốn mở rộng nghiệp đế vương phải đề cao công lao của người hiền tài. (Bài đối sách kỳ thi Hội khoa Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng, năm thứ 36 (1775) của Phan Huy Ích, tài liệu Viện Triết học, ký hiệu kho H 85, tr. 36.)

⁹ Bài đối sách thi Đình khoa Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Hưng triều Lê Hiến Tông (1752) của Lê Quý Đôn, tài liệu Viện Triết học, ký hiệu kho H 87, tr. 2.

triều đại phong kiến với lý luận cho thấy rất nhiều bất cập. Sự bất cập đến từ việc giải quyết mối quan hệ giữa thuyết “trọng hiền” và “vị thân” trong việc lựa chọn các tiêu chí tuyển dụng hiền tài và trong chính tiêu chí về sự sáng suốt của nhà vua như thế nào nhằm đảm bảo không để lọt kẻ nịnh thần.

Trả lời cho những câu hỏi trên không phải là điều dễ dàng khi triều đình Lê - Trịnh luôn khẳng định đây là thời “nhà vua thánh minh, trị ngôi sáng suốt, tin dùng người cũ, kính già trọng đức, thường lệ hiền tài, cất đặt quan lại, chính là lúc quần hiền đua nhau đến”¹⁰ và đặt ra vô số các quy chế khoa cử khắt khe, ngặt nghèo. Ngô Thì Nhậm cho rằng có hai việc quan trọng nhất trong cái gốc của việc trị nước, đó là phải lấy tôn trọng người hiền làm đầu thì các việc khác mới tiến hành bình thường được và trong các phương pháp khuyến hiền, như xa kẻ xiêm nịnh, coi rẻ tài hóa, lánh người nhan sắc, quý trọng đạo đức, thì việc xa lánh kẻ xiêm nịnh là việc trước hết. Vua sáng suốt để phân biệt người tồi trung, ân uy rạch ròi, không bị lời xiêm nịnh lay chuyển, tin dùng người hiền lâu dài và không để lời ly gián ngang trở là điều quan trọng nhất trong giải quyết mâu thuẫn giữa thuyết thiên vị người thân và tôn trọng người hiền. Ngô Thì Nhậm cũng chỉ ra hai nguyên nhân khiến người tài không được tin dùng lâu dài là bởi bị kẻ xiêm nịnh ngăn trở và những điều chưa hoàn bị trong phép tắc chế độ không có ai bảo ban, nghiên cứu giúp. Rõ ràng, đây cũng là hai nguyên nhân

căn bản đang tồn tại trong thời Lê - Trịnh khiến cho người tài tuy không thiếu, nhưng không thể đem hết tài năng ra giúp vua, giúp nước, khiến cho chính trị thời này ngày càng rối ren, xã hội ngày càng loạn lạc, nhất là vào 30 năm cuối thế kỷ XVIII.

Trong khi đó, Phan Huy Chú quan niệm đạo trị nước phải lấy thận trọng tìm người hiền tài, phải phân biệt rõ ràng kẻ ngu, người hiền làm đầu mục lớn. Nhân tài không phải là ngẫu nhiên. Theo ông, nguyên nhân việc tác thành nhân tài về sau càng ngày càng khó là do sự khác nhau trong giáo hóa giữa thời cổ và thời nay. Thời cổ, giáo hóa bằng lễ nhạc thấm nhuần, người nắm được nguồn gốc sâu xa của việc học thì thành tựu, các nho gia như Trương Tải, Chu Hy thời Tống đều coi trọng thực tiễn, thực hành, còn đời sau bỏ giảng lễ nhạc, người học chỉ chăm chú lời học hèn mạt là học cho thuộc, ngâm cho hay nên khó uốn nắn những chỗ lệch lạc trong khí chất của mình. Ý kiến của Phan Huy Chú cho thấy nền giáo dục khoa cử thời ông đã suy thoái, xa rời thực tiễn, chỉ trọng tầm chương trích cú, không còn tìm đến nguồn gốc, bản chất của việc học. Như vậy, sự thận trọng trong tìm người tài, phân biệt rõ ràng người ngu kẻ hiền qua khoa cử không được đảm bảo nữa. Đó là nguyên nhân sâu xa ảnh hưởng tới chính trị thời Lê mạt.

¹⁰ Bài đối sách kỳ thi Hương của Ngô Thì Nhậm, tài liệu Viện Triết học, ký hiệu kho H 88, tr. 4.

Lê Quý Đôn thì cho rằng, tùy thuộc vào việc nhà vua coi trọng tiêu chí nào trong các tiêu chí đức, công, đồng tính, pháp lại, tài mưu, kinh thuật, văn chương, danh lý thị tộc để lựa chọn người hiền tài mà có thể biết được chính trị hơn hay kém giữa các đời. Hơn nữa, ông còn khẳng định chính sự tốt lành hay loạn lạc là do lý tự nhiên, do phong khí mỗi thời một khác mà ra. Đại đạo được thi hành, thiên hạ là của chung, tuyển được người hiền, kén được người tài, lời nói thành thực, việc làm hòa mục, đức hóa tự nhiên lưu hành thấm khắp mọi nơi, tình ý tự nhiên thông suốt, lòng cơ sảo không nảy ra được, thói tranh giành không nảy sinh ra đó là do phong khí mới mở mang, vận hội đương hanh thông, lòng người còn thuần, tự nhiên như thế, không phải là thánh nhân cố sức mới làm được. Khi phong khí mở mang hơn, thói kiêu bạc ngày càng khác trước, đời Tam đại cũng chỉ là tiểu khang¹¹, đến Xuân thu thì tranh giành cướp bóc, không được yên trị như thời Ngũ đế đại đồng¹² nữa. Thánh nhân muốn trở lại phong tục đời thượng cổ mà không được¹³. Lê Quý Đôn cũng lấy việc làm lịch của thời Tam đại¹⁴ để luận chứng cho vai trò quyết định của lý - khí (quy luật tự nhiên) đối với xã hội, để khẳng định rằng việc làm chính trị phải thuận theo tự nhiên. Ở đây, chúng ta thấy, Lê Quý Đôn đã xem xét mối quan hệ giữa nhân tài và chính trị dưới góc độ vận động của lý - khí và nghiêng về xu

hướng lý - khí mang tính quyết định luận đối với sự vận động của xã hội mà không phải là vai trò của thánh nhân.

Qua việc hỏi và trả lời về việc tuyển dụng hiền tài trong các khoa thi Nho học nêu trên, chúng ta thấy vấn đề tiêu chuẩn tuyển chọn hiền tài, vấn đề làm thế nào để người hiền tài có thể được thể hiện hết năng lực giúp vua trị nước, làm thế nào để ngăn chặn kẻ nịnh thần lũng đoạn triều đình là những vấn đề thực tế chính trị khi đó đã được đưa vào khoa cử để tìm kiếm hướng giải quyết trên phương diện lý luận học thuật.

3. Một số nhận xét về việc tuyển dụng hiền tài chính trị qua khoa cử Việt Nam thế kỷ XVIII

Một là, việc tuyển dụng người hiền tài để giúp vua trị nước qua khoa cử thế kỷ XVIII chú trọng tới trí nhớ, sự vận dụng lý luận chính trị Nho giáo phù hợp với việc lý giải các vấn đề chính trị cụ thể, thiết thực, như đạo khuyến hiền, xa kẻ nịnh có quan hệ thế nào tới đạo trị nước?

¹¹ Tiểu khang: Lời khen của Khổng Tử về đời Thang, Văn, Vũ có chính sự, giáo hóa tốt đẹp.

¹² Đại đồng: Rất mực hòa bình, thịnh trị, là lời Khổng Tử khen đời Ngũ đế chép trong thiên Lễ vận, kinh Lễ.

¹³ Bài đối sách thi Đình khoa Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Hưng triều Lê Hiển Tông (1752) của Lê Quý Đôn, tài liệu Viện Triết học, ký hiệu kho H, tr.

¹⁴ Nhà Chu lấy tháng Tý (tháng 11) làm đầu năm, nửa đêm là lúc bắt đầu ngày sóc. Nhà Thương lấy tháng Sửu (tháng 12) làm đầu năm, ngày sóc bắt đầu từ lúc gà gáy, nhà Hạ lấy tháng Dần (tháng Giêng) làm đầu năm, ngày sóc bắt đầu từ mờ sáng. Chính sóc nhà Hạ hợp với hệ thống người.

Gốc của đạo trị nước nằm ở đâu? Người thi tuyển phải có khối lượng kiến thức cỡ kim rất lớn, phải biết phân tích, so sánh, đánh giá và đưa ra quan điểm của mình một cách rõ ràng đối với mỗi vấn đề được hỏi. Chẳng hạn, vấn đề lý luận trị nước của các thánh nhân, nhân tài dễ hay khó tìm và dùng thế nào để có nhiều nhân tài... Đồng thời, người thi phải có năng lực tư duy triết học về những vấn đề chính sự mang tầm vĩ mô, có tính nguyên lý bao quát, yêu cầu phải lý giải, xem xét từ cội nguồn, gốc rễ mang tính hình nhi thượng (siêu hình học). Ví dụ: Người khéo trị vì phải có cái nhìn tổng quát chính thể về mọi sự vật theo đúng lý của nó, vậy nguồn gốc của lý là gì, của vạn vật là gì, có thể tìm được đầu mối không, làm thế nào bậc thánh nhân duy trì được nhân tình, hòa hợp trên dưới khi tập quán dân tình mỗi nơi một khác; cái lý “hiệt cừ” (trên dưới, bốn bên phải đều đặn, chính tề, vuông vắn, ngay ngắn) là cái lý căn bản lớn trong thiên hạ để hợp lòng người, các thánh nhân xưa thấy rõ lý đó hay làm theo ý riêng, dựa vào đâu để nhận ra đạo của vua Nghiêu, vua Thuấn, phép của vua Văn, vua Vũ đem ra thi thố vào việc nhà, việc nước, việc thiên hạ; thánh nhân định ra ngôi thứ trên dưới, điều kiện thăng giáng, thứ tự trước sau, công dụng biến hóa của các vật có phải là theo lẽ tự nhiên không; đạo làm cho dân mến, thuật chiêu cho dân về với mình có phải chỉ là đường lối nắm vững chí ý của

dân chúng là hết không; đức trị với pháp trị liên quan thế nào với việc bình trị; dùng lời văn sắc sảo hiểu dụ, giáo hóa có phải là hơn dùng oai phục không; công hiệu trị bình có đòi hơn, đòi kém, thời gian có đòi lâu, đòi chóng có phải vì vận khí không giống nhau hay vì thi thố có lúc đúng, lúc sai chăng?...

Rõ ràng, với những vấn đề chính trị được hỏi như trên, người trả lời không chỉ phải hiểu thấu cơ sở nền tảng các nguyên lý chính trị trong kinh điển Nho giáo, phải hiểu rộng cách thức vận dụng kinh điển trong trị nước của các đời vua, từ đó đưa ra lời bình nên hay không nên theo đối với chính sự hiện tại, mà còn phải nắm vững cái lý trị nước của đạo thánh hiền (đạo Nho) là phải làm cho mọi vật phải tề nhất theo tính tự nhiên, là thuận theo lý tự nhiên, là ưu việt hơn hẳn cái đạo hư và vô của đạo Lão và đạo Phật.

Hai là, vấn đề tuyển dụng hiện tài chính trị đặt ra trong khoa cử cho thấy tiêu chuẩn đánh giá, lựa chọn người đỗ đạt của các khoa thi dựa trên trình độ tư duy lý luận. Thí sinh không chỉ phải trang bị các kiến thức căn bản, phổ biến về đường lối chính trị của Nho giáo dựa trên kinh điển, mà còn phải có tri thức về các học phái khác để so sánh, bảo vệ đường lối của Nho học. Người được đỗ khoa thi Hương là người thuộc các nguyên tắc trị đạo của Nho giáo, thuộc các điển tịch, điển cổ trong sử sách Trung Hoa, biết vận dụng để dẫn chứng phù hợp và trả lời đúng ý đề

bài. Người đỗ khoa thi Hội là người không chỉ tinh thông kinh nghĩa, quảng bác lịch sử, mà còn phải biết lý giải sự đúng sai, hơn kém giữa chính sự các đời so với kinh sách, từ đó đưa ra quan điểm, giải pháp riêng của mình. Người đỗ kỳ thi Đình thì còn hơn thi Hội một bậc về tư duy lý luận. Người thi không chỉ phải thừa nhận tính chân lý đương nhiên của đường lối vương đạo, mà còn phải đạt tới tâm lý luận triết học về bản thể của chính trị là các vấn đề siêu hình, như *lý, khí, mệnh trời, đạo trời, đạo người, dịch lý...*, để biện luận cho tính đúng đắn duy nhất của đường lối trị đạo Nho giáo. Do vậy, các nhà khoa bảng Việt Nam thường tinh thông tư tưởng của cả đạo Phật, đạo Lão và một số học phái khác, như Pháp gia, Hình danh, Kiêm ái... Điều này cho chúng ta thấy, sự lựa chọn quan chức quản lý xã hội giúp vua thi hành chính sự căn cứ vào tầm mức tri thức lý luận, được đánh giá, tuyển chọn qua khoa cử của người xưa rất cẩn trọng và hệ thống.

Ba là, việc tuyển dụng qua khoa cử là tuyển dụng những người trung thành tuyệt đối với Nho học và chính thể quân chủ. Các câu hỏi trong *đề thi đều là sự thừa nhận tính chân lý tuyệt đối và phổ biến của nền chính trị Nho giáo trong việc yêu cầu luận chứng từ cơ sở triết học chính trị không thể phủ bác của nó (so với các học phái khác)*. Nho giáo là một đường lối chính trị đề cao đạo đức, coi đạo đức vừa là phương tiện, vừa là mục đích của chính

trị, dựa trên nền tảng siêu hình học coi đạo trời lấy sự bảo toàn đức sinh hóa của muôn vật làm chủ, đạo người là sự thể hiện của đạo trời trong xã hội, nhân quần, lấy nhân nghĩa làm chủ. Nhân đạo là sự thể hiện và vận hành của thiên lý trong xã hội. Thiên lý là quy luật của vũ trụ. Vương đạo của Nho giáo chính là con đường mà các thánh nhân dựa vào thiên lý để đề xuất và thực hiện nhằm làm cho đạo người phù hợp với đạo trời, hướng tới xã hội thái hòa lý tưởng, đạt tới sự hòa hợp lý tưởng của tam tài. Những người đỗ đạt khoa cử phải là người thâm nhuần được chân lý ấy, có hoài bão “tu tề bình trị”, có tri thức chính trị Nho học quảng bác và có năng lực đem cái học vương đạo vào thi hành chính sự để giúp vua sửa trị các tệ lậu đương thời, theo gương các bậc thánh nhân thời Tam vương Ngũ đế.

Mục đích hướng đến của khoa cử là mục tiêu kép: Không chỉ để lựa chọn người hiền tài suy nghĩ và hành động theo chuẩn mực của Nho giáo tham gia vào hệ thống quản trị xã hội, mà còn để củng cố tính “bất khả tư nghị” của các nguyên lý triết học chính trị Nho giáo - nền tảng ý thức hệ của giai cấp thống trị. Việc đặt câu hỏi mang tính nghi vấn về thực tiễn chính trị của một triều đại phong kiến, một vị vua nào đó trong sử Trung Quốc hay Việt Nam, ví dụ như việc dùng người đều theo điển chương cũ mà sao kẻ nịnh thần như Nang Ngõa, Vô Cực (thời Sở Bình Vương) vẫn tồn tại; việc trị bình thời

nay (vua Lê - chúa Trịnh) đã ban bố các điều giáo hóa, lập nhà Giám để đào tạo người tài sao phong tục vẫn chưa thuần hậu, người tài vẫn hiếm..., tương chừng kích thích trí tuệ của thí sinh, nhưng việc khẳng định tính chân lý mặc nhiên của các chuẩn mực, phép tắc chính trị thời Nghiêu, Thuần, cũng như các quy chế chặt chẽ, khắt khe của khoa cử không cho phép thí sinh có thể suy tư độc lập và phân tích vấn đề một cách trực diện. Do vậy, với khoa cử Nho giáo, kiểu gì thí sinh cũng phải quay về với việc khẳng định tính chân lý vĩnh cửu của đường lối vương đạo Nghiêu - Thuần và tìm cách giải thích mặt được hay không được của một vấn đề trị bình được hỏi là do vị vua nào đó có theo đúng hay không các phép tắc trị quốc của thánh nhân.

Từ những phân tích lý luận về hiền tài trong các bài văn sách khoa cử thế kỷ XVIII, chúng ta thấy, hiền tài ở Việt Nam thế kỷ XVIII là hiền tài chính trị, là người được tuyển chọn qua khoa cử Nho học, có tri thức lý luận chính trị cổ kim phong phú, lấy vương đạo thời Nghiêu - Thuần làm chuẩn mực và nội dung của chính trị khẳng định tính bất biến của vương đạo. Vấn đề tuyển chọn hiền tài và bổ dụng quan lại là vấn đề trung tâm của khoa cử, xuất phát từ quan niệm chính trị của Nho học nguyên thủy coi hiền tài là nhân tố quyết định thành công hay thất bại của chính trị, hưng thịnh hay suy vong của một triều đại. Khoa cử thế kỷ XVIII đã rất

chú trọng tới các nền tảng lý luận về hiền tài chính trị nhưng không phát triển theo hướng siêu hình học thuần túy mà chú trọng phục vụ thực tiễn chính trị Việt Nam trong phạm vi chủ yếu của Nho giáo Khổng - Mạnh và Hán Nho. Khoa cử có mục tiêu là lựa chọn nhân tài vào bộ máy chính trị, do vậy những nội dung thi thể hiện rõ hướng tới các yêu cầu phát triển và bồi dưỡng nhân tài chính trị. Với những nội dung triết học chính trị được đặt ra trong các đề thi văn sách, người dự thi buộc phải có kiến thức thông kim bác cổ không chỉ về Nho học mà bao gồm cả các học phái khác. Người thi vừa phải có hiểu biết sâu sắc và cụ thể về chính trị, lại phải có năng lực tư duy khái quát, tổng hợp để lựa chọn giải pháp phù hợp trong từng điều kiện nhất định. Trong khuôn khổ chuẩn mực của khoa cử nhắm tới chọn người tài cho hệ thống chính trị, việc đảm bảo một nền tảng triết học chính trị Nho giáo vững chắc được coi là yếu tố đảm bảo cho chính sự được thực thi nghiêm cần. Trong bối cảnh chính trị phức tạp thế kỷ XVIII, khi nhận thức vấn đề người tài là một then chốt của chính trị, hiền tài phát huy khả năng giúp vua trị quốc đến mức nào phụ thuộc vào việc nhà vua sáng suốt trong lựa chọn các tiêu chí tuyển và dụng thì việc định hướng khoa cử chú trọng tới vấn đề lý luận về hiền tài chính trị có tính hợp lý và tất yếu trong phạm vi đào tạo nhân sự cho bộ máy chính quyền của triều đình Lê - Trịnh. □